TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 574/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 6 - 2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Long
2. Ông Trần Ngọc Hòa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- ***Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh H - sinh năm: 1974
Địa chỉ: số 65 đường T, P. Đ, TP. QN, tỉnh Bình Định.
- *Bị đơn*: Anh Đặng Thanh C - sinh năm: 1971
Địa chỉ: Tổ 6, KV1, P. TQD, TP. QN.
(*Chị H có mặt, anh C vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày*:**

Chị và anh Đặng Thanh C tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HC, TP. QN, tỉnh Bình Định vào ngày 23/3/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C đi làm về không đưa tiền để nuôi con mà còn thường xuyên ăn nhậu, say thì về nhà chửi chị, chị nói thì anh C đánh chị. Có nhiều lần anh C cầm dao đòi giết chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn gay gắt nhất là vào khoảng tháng 9/2018, anh C đánh chị mà không

biết nguyên nhân. Chị đã dọn về nhà cha mẹ ruột sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện ly hôn, anh C cầm dao đến nhà cha mẹ chị hăm dọa ba mẹ chị. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung tên Đặng Thanh Đại D, sinh ngày 18/5/1997; Đặng Thái S, sinh ngày 27/11/2002 và Đặng Gia H, sinh ngày 22/01/2007. Hiện nay cháu D đã trưởng thành, tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng các cháu S, H đang sống với anh C, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn chị tự nguyện giao các cháu S và H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng vì anh C có việc làm ổn định hơn chị và các cháu ổn định nếp sống ở ngôi nhà chung của vợ chồng tại Tổ 6, KV1, phường TQD, thành phố QN. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu S, cháu H mỗi tháng 1.000.000đ/cháu cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết. Vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng.

**** Bị đơn anh Đặng Thanh C*:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh C cũng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật HNGĐ 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Đặng Thanh C; Giao các cháu Đặng Thái S và Đặng Gia H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu S và cháu H 1.000.000đ/tháng/cháu. Chị H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Thanh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" (khoản 1 Điều 28 BLTTDS), thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Thanh C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HC, TP. QN, tỉnh Bình Định vào ngày 23/3/1996, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị Hạnh, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C đi làm về không đưa tiền để chị nuôi con mà còn thường xuyên ăn nhậu, say thì về nhà chửi chị, đánh chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Điều này chứng tỏ anh C không có thiện chí muốn hòa hợp. Đây cũng là trường hợp bị đơn cố tình lẫn tránh, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. HĐXX xét: Hôn nhân của chị H, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là các cháu Đặng Thanh Đại D, sinh ngày 18/5/1997; Đặng Thái S, sinh ngày 27/11/2002 và Đặng Gia H, sinh ngày 22/01/2007. HĐXX xét: Cháu D đã trưởng thành, tự lập nên Tòa án không xem xét giải quyết. Riêng các cháu S và H, hiện nay đang sống với anh C và được đảm bảo tốt về mọi mặt. Hơn nữa các cháu S và H có nguyện vọng ở với anh C. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị H giao cháu S và cháu H cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng cho cháu S 1.000.000đ/tháng, cháu H 1.000.000đ/tháng.

[2.3] Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000đ án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh H ly hôn anh Đặng Thanh C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là các cháu Đặng Thái S, sinh ngày 27/11/2002 và Đặng Gia H, sinh ngày 22/01/2007cho anh Đặng Thanh C được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H đóng góp nuôi cháu S số tiền là 1.000.000đ/tháng, cháu H số tiền là 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu S, H thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001067 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị H còn phải nộp 300.000đ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. QN;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- UBND P. HC, TP. QN;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Huy Huệ